

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất 21 (Nhà máy Z121/Tổng cục CNQP)
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm Gói thầu XL-01: Thi công xây dựng nhà; các hệ thống sân, đường; đào, san nền; đắp ụ và các mạng hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, chống sét, chống cảm ứng tĩnh điện, camera giám sát, nhiệt, điều hòa thuộc dự án Đầu tư xây dựng một số công trình để nâng cao năng lực sản xuất pháo hoa
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại Xí nghiệp 5/Nhà máy Z121, xã Đông Thành, tỉnh Phú Thọ (trước đây là xã Võ Lao, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ) và được xác định trong Bản vẽ đính kèm.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: Là khoảng thời gian tính từ ngày bàn giao mặt bằng đến khi các hạng mục của gói thầu được nghiệm thu đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Là khoảng thời gian thi công của nhà thầu theo hồ sơ dự thầu đối với các hạng mục của gói thầu kể từ khi được bàn giao mặt bằng đến khi các hạng mục của gói thầu được nghiệm thu đưa vào sử dụng..
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày bàn giao mặt bằng
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Phụ thuộc vào tiến độ do Nhà thầu lập. Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Bên nhận thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Đại diện Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày sau ngày khởi công. Nhà thầu phải phối hợp với đơn vị TVGS lập tiến độ thi công chi tiết có đại diện pháp nhân cùng ký đóng dấu trình Đại diện Chủ đầu tư xem xét, xác nhận. Nội dung thực hiện theo quy định khoản 3, 4, 7 Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Đối với hợp đồng có cung cấp thiết bị, tiến độ cung cấp thiết bị phải thể hiện các mốc bàn giao thiết bị, trong đó có quy định về số lượng, chủng loại thiết bị cho từng đợt bàn giao.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,...); - Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; - Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu; - HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có); - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng (nếu có); - Các tài liệu khác có liên quan.
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc sau khi cả hai bên đã ký hợp đồng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp không sửa chữa kịp thời các sai sót hoặc không khắc phục những lỗi, vi phạm đối với bên thứ ba trong quá trình thi công.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định (nếu có):

	<p>+ Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Đại diện chủ đầu tư đã yêu cầu.</p> <p>+ Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.</p> <p>- Đại diện Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu.</p>
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng, kể từ thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng sau khi có ý kiến nghiệm thu của đơn vị quản lý.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Công trường tại Xí nghiệp 5/Nhà máy Z121, xã Đông Thành, tỉnh Phú Thọ (trước đây là xã Võ Lao, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ)
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Bắt đầu từ ngày Bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa không quá 28 ngày. Giải quyết tranh chấp: Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Là ngày bàn giao mặt bằng.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: Sau khi được cơ quan chuyên môn chấp thuận kết quả nghiệm thu, đồng ý cho phép đưa vào sử dụng.</p>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 10 ngày</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 20.000.000 VND.</p>
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.

E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định. Khối lượng điều chỉnh khi có thay đổi về thiết kế; bổ sung hạng mục công việc, vật tư, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng. Trên cơ sở điều chỉnh bổ sung khối lượng, các bên sẽ thương thảo ký kết phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: Căn cứ theo kế hoạch vốn được giao, CĐT sẽ tạm ứng tối đa 30% giá trị HĐ (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn) sau khi NT nộp đủ bảo lãnh tạm ứng và được quy định cụ thể trong bước thương thảo, hoàn thiện HĐ. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Chủ đầu tư thu hết số tiền tạm ứng. Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng tối đa là 07 ngày kể từ nhà có văn bản yêu cầu của chủ đầu tư. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký;</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Việc tạm ứng được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng;</p>
E-ĐKC 44.1	<p>- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu với điều kiện dự án được cấp có thẩm quyền bố trí vốn.</p> <p>- Số lần thanh toán: Không giới hạn số lần thanh toán.</p> <p>+ Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng. Đối với những khối lượng tăng hai bên ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở thanh toán.</p> <p>+ Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu tối đa đến 95% (giữ lại 5% bảo hành) giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành của các đợt thanh toán (bao gồm cả thanh toán và thu hồi tạm ứng).</p> <p>+ Sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng và có bảo lãnh của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị giữ lại bảo hành tương đương 5% giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành của các đợt thanh toán.</p>
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0%

E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Cụ thể hóa trong quá trình hoàn thiện hợp đồng;
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>- Khi nhà thầu vi phạm không đảm bảo các quy định một trong các lỗi về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và theo các nội dung nhà thầu đã đề xuất trong HSDT thì mức phạt là 30.000.000 VND/ 01 lần vi phạm;</p> <p>- Bên cạnh việc chịu mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm còn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm và bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật Xây dựng hoặc luật pháp liên quan khác.</p> <p>+ Đối với nhà thầu: Phạt 0,1% giá trị phần khối lượng bị chậm tiến độ cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>+ Đối với chủ đầu tư: Không áp dụng.</p>
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Thời gian bàn giao công trình trong khoảng thời gian 150 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Sau khi công trình được hoàn thành và nghiệm thu.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 50.000.000 VND.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.